

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ SỬ DỤNG INTERNET TRONG GIẢNG DẠY, HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TP.HCM

Nguyễn Duy Mộng Hà

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: *Hiện nay, chúng ta đang bước vào thời đại toàn cầu hóa, thời đại của kinh tế tri thức, xã hội học tập cùng với sự bùng nổ thông tin qua nhiều kênh, trong đó nổi bật nhất là kênh Internet. Đây là một hệ thống thông tin toàn cầu với nguồn thông tin phong phú, đa dạng và luôn cập nhật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, đem lại cơ hội giao lưu, chia sẻ thông tin cho tất cả mọi người không giới hạn không gian và thời gian. Trong giáo dục Đại học, việc khai thác và sử dụng Internet một cách hiệu quả trong hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu là một yêu cầu cấp thiết nhằm hiện đại hóa và nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay, góp phần mở rộng tri thức, phát triển năng lực tư duy, sáng tạo và học tập suốt đời của cả người dạy lẫn người học trong việc khai thác nguồn thông tin khổng lồ trên Internet. Do đó cần phải tìm ra được những yếu tố cơ bản, nhất là những yếu tố về năng lực, có ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng Internet của giảng viên (GV) và sinh viên (SV) để từ đó đưa ra được các kế hoạch, biện pháp cải tiến phù hợp.*

Bài viết sẽ trình bày ba nội dung: Phần một, cơ sở lý thuyết về Internet, các hoạt động của người sử dụng Internet cũng như các yêu cầu sử dụng Internet hiệu quả. Phần hai, trình bày kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ và hiệu quả sử dụng Internet trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên trường ĐHKHXH&NV TP.HCM. Phần cuối cùng, bài viết đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng Internet trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học tại trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM.

1. GIỚI THIỆU

Kinh tế thị trường với sự cạnh tranh khốc liệt và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay đòi hỏi Việt Nam phải phát triển một nguồn nhân lực chất lượng cao, có những kiến thức và kỹ năng mới, trong đó có kỹ năng tìm chọn, đánh giá, tổng hợp và xử lý thông tin nhằm phục vụ cho việc tự học hỏi suốt đời và xây dựng kiến thức cho riêng mình bên cạnh kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Đặc biệt ở bậc đại học trong học chế tín chỉ

hiện nay, khi hoạt động học tập gắn liền với việc tự học, tự nghiên cứu đòi hỏi sự tích cực, chủ động cao của người học và việc không ngừng cập nhật tri thức của người dạy thì Internet lại trở thành công cụ cấp thiết, hữu ích, và có thể đem lại hiệu quả cao trong dạy và học.

Trong thực tế, Internet chỉ mới thâm nhập vào nước ta từ năm 1997 và mới phát triển rộng rãi trong thập niên đầu của thế kỷ 21. Do đó không ít GV, SV còn ngỡ ngàng và gặp nhiều khó

khăn trong việc khai thác Internet phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu một cách hiệu quả. Họ trở nên lúng túng với nguồn thông tin khổng lồ và không được hướng dẫn cách tìm kiếm, sử dụng thông tin và chia sẻ thông tin bằng công cụ Internet. Đối với nhiều SV, Internet được sử dụng như một công cụ để giải trí hơn là học tập và nghiên cứu. Có nhiều yếu tố chủ quan cũng như khách quan ảnh hưởng đến mức độ và hiệu quả sử dụng Internet của GV, SV trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu: có những yếu tố thuộc về nhận thức, thái độ của người sử dụng Internet, có những yếu tố thuộc về năng lực sử dụng của họ và có các yếu tố thuộc về điều kiện hoàn cảnh sử dụng Internet. Bài viết này tập trung vào phân tích các yếu tố ảnh hưởng thuộc nhóm các kiến thức và kỹ năng liên quan đến năng lực sử dụng Internet. Từ đó, bài viết đưa ra các giải pháp, kiến nghị đối với GV, SV và nhà trường trong việc nâng cao các kỹ năng, năng lực có ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng Internet của GV và SV, đồng thời cũng nêu một phần giải pháp cải tiến các điều kiện hỗ trợ việc sử dụng Internet trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu tại trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1 Khái niệm Internet²⁵

²⁵ Theo Wikipedia

(<http://vi.wikipedia.org/wiki/Internet>), “Internet là một hệ thống thông tin toàn cầu có thể được truy cập công cộng gồm các mạng máy tính được liên kết với nhau. Hệ thống này truyền thông tin theo kiểu nối chuyển gói dữ liệu (*packet switching*) dựa

Khái niệm Internet đã trở nên quá quen thuộc với nhiều người trong thời đại hiện nay với đặc tính quan trọng là sự kết nối toàn cầu. Một số định nghĩa tiêu biểu về Internet có thể được nêu ra như sau: “Internet là mạng toàn cầu liên kết các máy tính thông qua hệ thống đường điện thoại và cáp quang. Nó là mạng của các mạng liên kết các trường học, thư viện, doanh nghiệp, bệnh viện, cơ quan liên bang, viện nghiên cứu và các thực thể khác vào thành một mạng truyền thông rộng lớn duy nhất lan rộng khắp toàn cầu. Các kết nối cơ bản bao gồm mạng điện thoại quay số, liên lạc vệ tinh và các kết nối vi sóng trên mặt đất, mạng sợi quang và cả mạng cáp truyền hình”²⁶.

Tóm lại, các định nghĩa đều mô tả rõ Internet như một hệ thống thông tin toàn cầu, liên kết với tất cả mọi nơi, mọi lãnh vực ngành nghề, mọi đối tượng sử dụng... đem lại cơ hội giao lưu và học hỏi rất lớn cho con người trên khắp thế giới trong bối cảnh CNTT-truyền thông và máy vi tính phát triển mạnh mẽ như hiện nay.

2.2 Một số hoạt động của người sử dụng Internet trong giáo dục Đại học

Việc giảng dạy, học tập có sự trợ giúp của máy vi tính và mạng Internet đã trở nên rất phổ

trên một giao thức liên mạng đã được chuẩn hóa (giao thức IP). Hệ thống này bao gồm hàng ngàn mạng máy tính nhỏ hơn của các doanh nghiệp, của các viện nghiên cứu và các trường đại học, của người dùng cá nhân, và các chính phủ trên toàn cầu”

²⁶ Tom Sheldon, *Bách khoa toàn thư mạng*, NXB Thống kê, 2001

biến ở tất cả các trường học, ngành học, cấp học ở các nước tiên tiến. Internet được sử dụng trong quá trình giảng dạy, học tập điển hình với E-learning, môi trường học tập đa phương tiện; học đồng bộ (synchronous) hay không đồng bộ (asynchronous), trực tuyến (on-line) hoặc ngoại tuyến (off-line), blended learning (học kết hợp): kết hợp giữa học tập điện tử với học tập truyền thống, nhằm đem lại kiến thức vừa rộng vừa sâu khi khai thác thông tin trên Internet,.... Người sử dụng Internet trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu luôn cần truy cập thông tin qua việc tương tác với máy vi tính nối mạng nhưng vẫn có sự tương tác với người dạy, người học và chia sẻ thông tin qua mạng bằng nhiều hình thức.

Theo Newby Timothy ²⁷ đề cập trong "*Instructional technology for teaching and learning*", Internet có ba ứng dụng chính trong dạy-học: sử dụng Internet nhằm thu thập, tìm kiếm thông tin (information retrieval); sử dụng Internet làm công cụ phục vụ giao tiếp (communication); và sử dụng Internet như là kênh chia sẻ, xuất bản thông tin (information publishing). Nó được ứng dụng trong các tình huống học tập tự học, học từ xa và cả trong lớp học.

Sử dụng Internet để lấy thông tin:

Môi trường học tập và giảng dạy ngày càng trở nên đa dạng hơn với sự trợ giúp của Internet. Tài liệu học tập, nghiên cứu ngày nay

không chỉ giới hạn trong sách giáo khoa và các thư viện truyền thống mà đã vượt ra bên ngoài nhà trường. GV hiện nay không còn là người độc quyền cung cấp kiến thức nữa, và cũng không còn bị lệ thuộc vào một số giáo trình giấy giới hạn nữa. Internet cho phép người dùng có khả năng truy cập các nguồn tài nguyên, dữ liệu và thông tin ở những vị trí khác nhau trên toàn thế giới. Internet là một kho dữ liệu khổng lồ, cung cấp nguồn thông tin đa dạng, phong phú, cập nhật, thuộc tất cả các lĩnh vực ở mọi lúc, mọi nơi, kèm theo các dịch vụ tương ứng chính là hệ thống các trang Web liên kết với nhau và các tài liệu khác trong WWW. Với WWW người truy cập có thể tìm được các văn bản, đồ họa, âm thanh, video, virtual reality, các phần mềm máy tính, ... và liên kết đến các trang web khác. Điều này sẽ có tác động tích cực tới sự phát triển trí tuệ của con người.

Sử dụng Internet để giao tiếp:

Internet còn giúp con người khắc phục được các khoảng cách về không gian và thời gian trong việc giao tiếp, góp phần hình thành và phát triển các kỹ năng tự học và kỹ năng giao tiếp, trao đổi cũng như các kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm. Giao tiếp qua mạng giúp ta học hỏi được nhiều kinh nghiệm ở khắp mọi nơi, ở nhiều đối tượng khác nhau, nhiều nền văn hóa với nhiều quan điểm khác nhau. Những thông tin thu được qua giao tiếp thực tế rất có lợi cho GV và SV.

Việc giao tiếp qua Internet có ý nghĩa rất quan trọng khi biết tương tác với mọi người một cách hiệu quả. Với khả năng kết nối toàn cầu, Internet giúp việc liên lạc, trao đổi thuận

²⁷ Newby Timothy J., Stepich Donald A., Lehmen James D., Russell James D., *Instructional technology for teaching and learning*, Prentice- Hall, Inc., 2000

tiện giữa các SV, GV, đồng nghiệp và cả các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trên toàn thế giới với bốn công cụ giao tiếp cơ bản là e-mail, listserv, newsgroup, chat rooms (theo Timothy, 2000), không chỉ trao đổi bằng văn bản mà còn nghe được giọng nói và thấy được hình ảnh của người giao tiếp. Ngoài ra hiện nay, còn rất nhiều công cụ giao tiếp khác như blog, facebook, forum,...nhưng phổ biến nhất vẫn là email.

Sử dụng Internet để xuất bản, chia sẻ thông tin:

GV và SV có thể chia sẻ thông tin với mọi người bằng việc công bố các tài liệu trên Internet. Đây là phương pháp chia sẻ các ý tưởng, thông tin nhanh chóng, rẻ tiền. Cách dễ dàng nhất để chia sẻ thông tin trên Internet là thông qua e-mail: ngoài chức năng giao tiếp e-mail còn cho phép mọi người truyền tải các tập tin dữ liệu cho nhau nên đây là cách chia sẻ thông tin hiệu quả và an toàn. Một cách khác là xây dựng các bài viết, bài nghiên cứu, bài giảng điện tử, giáo trình/học liệu điện tử, tài liệu tham khảo,...đa phương tiện (có thể có hình ảnh tĩnh, động, âm thanh, phim, sơ đồ,...) rồi đăng tải trên các website cá nhân, homepage, blog/facebook cá nhân hoặc website của khoa/bộ môn, trường để người khác tham khảo.

Ở nhiều nước hiện nay trên thế giới, GV và cả học sinh, SV cũng có các trang web cá nhân của mình hoặc qua blog, facebook, có thể đăng tải và chia sẻ thông tin với mọi người, giúp mở rộng và củng cố kiến thức hiệu quả. Trong tình huống tự học và học từ xa, chức

năng giao tiếp và chia sẻ thông tin của Internet là rất quan trọng.

2.3 Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng Internet

Tuy nhiên, để sử dụng Internet hiệu quả trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu đòi hỏi người sử dụng phải có được một số kỹ năng cơ bản. Nhóm tác giả DTI Global Watch Mission khẳng định thế giới trên mạng là thế giới ảo nhưng lại đòi hỏi những kỹ năng thật rất thực tế (real-life skills), kỹ năng mềm, kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp xã hội,... để có thể sử dụng Internet hiệu quả. Một số kỹ năng cần thiết cho việc sử dụng Internet hiệu quả được đề cập trong nhiều tài liệu có thể được tổng hợp lại một cách khái quát như sau :

Kỹ năng sử dụng máy vi tính, các phần mềm và multimedia

Để sử dụng Internet, trước hết người dùng phải biết cách sử dụng máy vi tính vì máy vi tính chính là phương tiện để có thể truy cập Internet. Người sử dụng cần biết từ các thao tác sử dụng máy vi tính đơn giản, biết duyệt web, copy, cắt, dán, download, lưu trữ,... các thông tin tìm được đến phân biệt được các loại file dữ liệu và các phần mềm hỗ trợ đọc tương ứng. Ngoài ra GV và SV còn cần được biết các phần mềm thiết kế web để có thể tự xuất bản thông tin theo ý của mình, phục vụ giao tiếp và chia sẻ thông tin.

Thêm vào đó, còn có một số thủ thuật ²⁸ giúp tiết kiệm thời gian và đạt hiệu quả cao khi

²⁸ Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam://www.vcci.com.vn

sử dụng Internet như: lưu lại những gì đã nhập trong Internet Explorer khi khai báo các thông tin làm thành viên của một trang web hay đăng kí sở hữu một hộp thư miễn phí trên mạng; xóa bỏ những e-mail gửi nhầm địa chỉ; cách mở nhanh Word, Excel, Outlook Express,... khi đang lướt web với trình duyệt Internet Explorer; Download đồng thời nhiều phần mềm trong khi vẫn lướt web; trao đổi qua mạng cục bộ với các bạn đồng nghiệp; cách nén và giải nén dữ liệu; kết nối máy tính vào mạng dễ dàng với các phần mềm tiện ích như Network Setup Wizard; sao chép ảnh từ một trang web và dán nó vào một ứng dụng khác; in các trang web kèm theo địa chỉ; ...

Kiến thức và kỹ năng sử dụng đa phương tiện truyền thông (multimedia) như văn bản, âm thanh, ảnh tĩnh, ảnh động, phim, sơ đồ, bảng biểu,... cũng rất quan trọng vì trên Internet ngày càng có nhiều dạng thông tin phong phú có thể được tìm kiếm và chia sẻ dễ dàng.

Kỹ năng tra cứu tìm kiếm và đánh giá, xử lí thông tin trên Internet:

Các kỹ năng tra cứu, tìm kiếm thông tin bao gồm

- Biết cách sử dụng các công cụ tìm kiếm: Các công cụ tìm kiếm là các website tìm kiếm thông dụng trong và ngoài nước như: Google, Yahoo, Altavista, Panvietnam, Vinaseek,... Trong đó, trang tìm kiếm Google

là công cụ tìm kiếm phổ biến trên Internet và được nhiều người sử dụng nhất hiện nay²⁹.

- Biết tìm kiếm các tài liệu điện tử trong các website cung cấp tài liệu điện tử hay thư viện điện tử.

- Biết các thủ thuật tìm kiếm thông tin trên Internet: chọn lựa và nhập đúng từ khoá; sử dụng toán tử logic; sử dụng tham biến đặc biệt; tìm kiếm chuyên biệt; sử dụng nhiều website tìm kiếm.

- Biết các bước để tra cứu thông tin có hiệu quả, với 7 giai đoạn theo như trong tài liệu hướng dẫn “Tìm kiếm thông tin trên Internet” do Vũ Thị Nha, Trung tâm phát triển thông tin Việt nam biên soạn: phân tích yêu cầu tìm, diễn đạt lệnh tìm kiếm, phân tích nhóm yêu cầu thông tin, chọn công cụ tìm kiếm phù hợp, tìm lời khuyên từ một người, thử lại nếu chưa thành công, đánh giá kết quả tìm.

Các kỹ năng đánh giá, xử lý thông tin bao gồm: đọc hiểu, đánh giá, phân tích, chọn lựa và tổng hợp thông tin. Các kỹ năng này gắn liền với các thao tác tư duy: phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa, cụ thể hóa, phê phán,... nhằm khám phá ra những cái mới ở những mức độ khác nhau, từ đó tiến tới phát hiện ra những đặc điểm và các mối quan hệ ẩn chứa trong các sự vật khách quan, các dữ kiện, hiện tượng tự nhiên, hiện tượng xã hội.³⁰ Từ đó có thể đánh giá chất lượng các website về

²⁹ Phạm Ngọc Châu, *Sử dụng Internet nhanh chóng và hiệu quả*, NXB Giao thông Vận tải, 2007

³⁰ Nguyễn Gia Cầu, *Rèn luyện cho học sinh kỹ năng làm việc với tài liệu học tập*, Tạp chí giáo dục số 177 kì 2 -11/2007

mặt nội dung (tính chính xác, cập nhật, rõ ràng); thiết kế (giao diện, nghe nhìn); các đường link (tính tiện lợi)

Kỹ năng ngoại ngữ và giao tiếp trên Internet:

Bên cạnh các tài liệu trong nước bằng tiếng Việt vốn còn hạn chế, GV và SV cần phải tìm hiểu thêm ở các tài liệu nước ngoài và trao đổi với mọi người trong cộng đồng Internet.

Chính vì vậy kỹ năng ngoại ngữ rất cần thiết để đọc tài liệu và trao đổi với mọi người. Chúng ta đang sống trong thời đại thông tin, và hầu hết các thông tin đều được viết bằng tiếng Anh “Có tới hơn 1 tỷ trang Web sử dụng tiếng Anh. Thật kinh ngạc khi chỉ cần học một ngôn ngữ là có thể khai thác hầu hết kho tri thức ấy.”³¹. Kỹ năng ngoại ngữ cần có khi sử dụng Internet phục vụ học tập của GV và SV bao gồm: khả năng về từ vựng, ngữ pháp để đọc hiểu các văn bản; khả năng dịch thuật; khả năng viết thư, trao đổi nhắn bằng e-mail, v.v...

Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu:

Việc khai thác, sử dụng Internet chủ yếu diễn ra ở bên ngoài lớp học, được thực hiện độc lập. Vì nó gắn liền với quá trình tự tìm tòi mở rộng kiến thức nên khai thác, sử dụng Internet cũng gắn liền với hoạt động tự học, tự nghiên cứu. Chính vì vậy, kỹ năng lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá việc tự học, tự nghiên cứu là một yêu cầu quan trọng giúp GV và SV khai thác Internet có hiệu quả.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU Ở TRƯỜNG ĐH KHXH&NV TP.HCM

Chúng tôi đã thực hiện nghiên cứu định tính và định lượng ở trường ĐH KHXH&NV-ĐHQG-HCM vào đầu năm 2010. Mục tiêu chính của nghiên cứu này là tìm hiểu mức độ, cách thức và hiệu quả của việc sử dụng Internet trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu của GV và SV tại trường cũng như những yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng này. Đề tài nghiên cứu trên 481 khách thể bao gồm 358 SV ở 4 khoa đại diện cho 4 nhóm ngành tiêu biểu: ngoại ngữ, xã hội, nhân văn và giáo dục (bao gồm khoa Đông phương, khoa Xã hội học, khoa Địa lý và Khoa Giáo dục) và 123 GV ở 14 khoa / bộ môn tại trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ nêu một số kết quả nghiên cứu nổi bật, chủ yếu là những kết quả liên quan đến các yếu tố về năng lực tác động đến hiệu quả sử dụng Internet trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học (NCKH) của GV và SV dựa vào cơ sở lý thuyết trên.

Trước tiên, phần này sẽ giới thiệu sơ lược về kết quả khảo sát mức độ sử dụng Internet của GV và SV nói chung và mức độ sử dụng Internet của họ trong công việc giảng dạy, học tập và NCKH. Mục kế tiếp tập trung phân tích các yếu tố về năng lực, kỹ năng tác động đến hiệu quả sử dụng Internet trong giảng dạy, học tập và NCKH của GV và SV trước khi tóm tắt sơ lược các yếu tố còn lại.

3.1 Mức độ sử dụng Internet của GV và SV trường ĐHKHXH&NV

³¹ (Lợi ích của việc học tiếng Anh, <http://www.chothongtin.vn/thong-tin-giao-dc-ao-to/i-sng/93-li-ich-ca-vic-hc-ting-anh.html>).

Mức độ sử dụng Internet của GV và SV trường ĐH KHXH&NV dựa trên kết quả khảo

sát các khách thể trong mẫu nghiên cứu được thể hiện ở các bảng sau:

Bảng 3.1-1. Thời gian sử dụng Internet trung bình/tuần của GV và SV trường ĐH KHXH&NV TP.HCM

Số giờ sử dụng Internet trung bình / tuần	GV	SV
Dưới 15 tiếng	27.0%	45.5 %
Từ 15 – 25 tiếng	37.7%	28.5 %
Từ 26 – 35 tiếng	20.5%	16.8 %
Trên 35 tiếng	14.7%	9.2 %
Tổng cộng	100.0%	100.0 %

Bảng trên cho thấy mức độ sử dụng Internet của GV cao hơn so với SV: Phần lớn GV (37.7 %) sử dụng Internet ở mức 16-25 tiếng/tuần tức khoảng 3 - 4 tiếng mỗi ngày, trong khi đó đa số SV (45.5%) sử dụng Internet ở mức dưới 15 tiếng /tuần, tức trung bình mỗi ngày tối đa 2 tiếng, bao gồm thời gian tự học, nghiên cứu, giao lưu và giải trí với Internet.

Nếu chỉ tính thời gian dành cho giảng dạy, học tập, nghiên cứu với Internet trong tổng số giờ này thì số giờ sử dụng Internet cho mục đích giảng dạy, học tập và NCKH còn ít hơn nữa. Bảng sau cho biết SV và GV dành bao nhiêu thời gian cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH trong tổng số thời gian sử dụng Internet nói trên.

Bảng 3.1-2. Thời gian dành cho giảng dạy, học tập, NCKH trong tổng số thời gian sử dụng Internet của GV và SV trường ĐH KHXH&NV TP.HCM

Thời gian sử dụng Internet cho việc giảng dạy, học tập & NCKH trong tổng số giờ sử dụng Internet	GV	SV
Dưới 20%	9.0%	14.5%
Từ 20- 40%	25.4%	29.6%
Từ 40- 60%	30.3%	22.9%
Từ 60- 80%	25.4%	21.8%
Trên 80%	9.8%	11.2%
Tổng cộng	100.0%	100.0%

Nhìn chung bảng trên cho thấy GV dành thời gian cho hoạt động chuyên môn với công cụ Internet cao hơn SV, có 30.3 % GV chọn mức 40-60% và 25.4 % chọn mức 60-80%, trong khi có 29.6% SV chọn mức 20-40% và 22.9% chọn mức 40-60% thời gian sử dụng Internet dành cho chuyên môn. Như vậy, tính ra đa số SV dành chưa đầy 1 tiếng học tập và nghiên cứu bằng công cụ Internet mỗi ngày (trong đó chủ yếu là tìm tài liệu, ít giao tiếp trao đổi chuyên môn với GV, bạn bè theo các kết quả xử lý của chúng tôi). Như vậy, nếu công việc giảng dạy và học tập trên lớp chiếm từ 3-5 tiếng một ngày (kết quả khảo sát cũng cho biết 57% SV có số tiết học trung bình/ tuần từ 20-30 tiết, 35.6 % trên 30 tiết và 7% dưới 20 tiết/tuần; 60.2% GV có số tiết dạy trung bình dưới 20 tiết /tuần, 27.6 % có số tiết dạy trung bình tuần từ 20-30 tiết, 12.2% trên 30 tiết /tuần), thì số giờ sử dụng Internet trong chuyên môn của GV ở mức trung bình nhưng ở SV còn hơi ít.

Mặc dù nhận thức của SV và GV về tầm quan trọng của Internet trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu theo kết quả nghiên cứu là khá cao: 91% GV và 90,8% SV nhận thấy việc sử dụng Internet trong hoạt động chuyên môn từ quan trọng đến rất quan trọng, đem lại nhiều lợi ích cho họ, nhưng thực tế mức độ sử dụng Internet của họ trong hoạt động chuyên môn như trên chưa cao lắm.

3.2. Hiệu quả sử dụng Internet của GV và SV trường ĐHKHXH&NV và các yếu tố ảnh hưởng thuộc nhóm năng lực

Trước khi đề cập đến hiệu quả sử dụng Internet trong giảng dạy và NCKH của GV, học tập và NCKH của SV cùng các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng Internet thuộc nhóm kỹ năng theo như đã được đề cập trong cơ sở lý thuyết, chúng tôi trình bày mức độ thành thạo các kỹ năng quan trọng của GV và SV, từ đó sẽ tìm ra mối liên hệ của chúng đến hiệu quả sử dụng Internet.

Bảng 3.2 Mức độ thành thạo các kỹ năng của GV và SV do GV và SV trường ĐHKHXH&NV TP.HCM tự đánh giá

Mức độ thành thạo về các kỹ năng	GV	SV
Kỹ năng sử dụng máy vi tính, multimedia	3.54	2.95
Kỹ năng ngoại ngữ và giao tiếp	3.41	2.58
Tìm kiếm thông tin	3.59	3.17
Đánh giá, xử lý, tổng hợp thông tin	3.45	3.11
Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu	3.40	3.02

Bảng trên cho thấy, nhìn chung, trình độ và kỹ năng tin học, ngoại ngữ để đọc hiểu, xử lý thông tin cần thiết để sử dụng Internet hiệu

quả của GV và SV còn tương đối thấp, và khả năng sử dụng công cụ tra cứu Internet chưa cao lắm, đa số chỉ xoay quanh hoặc trên mức tạm hài lòng một chút. Đây là những yếu tố quan

trọng có khả năng ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng Internet của GV và SV.

3.2.1. Trong lĩnh vực giảng dạy và NCKH của GV

Chúng tôi phối hợp thông tin GV tự đánh giá về hiệu quả sử dụng Internet của mình với 3 mức độ hiệu quả (1: Không hiệu quả, 2: Tương đối hiệu quả, 3: Hiệu quả) với các thông tin GV tự đánh giá về những năng lực liên quan đến kỹ năng sử dụng Internet ở 3 mức độ thành thạo hay 3 loại trình độ năng lực (1. Dưới trung bình, 2. Trung bình và 3. Từ khá trở lên). Chúng tôi cũng sử dụng phần mềm SPSS thực hiện kiểm định Chi- bình phương để kiểm định

mối liên hệ giữa các kỹ năng và hiệu quả sử dụng Internet.

Theo như đã trình bày trong cơ sở lý thuyết, hoạt động đầu tiên của người sử dụng Internet là tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet. Do đó, hiệu quả sử dụng Internet đối với GV trước tiên muốn nói đến hiệu quả tra cứu, tìm kiếm các nguồn thông tin trên Internet nhằm phục vụ giảng dạy, tự học, tự trau dồi, cập nhật kiến thức của bản thân GV và NCKH. Các bảng sau đây thể hiện hiệu quả sử dụng Internet trong hoạt động tra cứu này của GV với các trình độ năng lực khác nhau.

- Năng lực sử dụng máy vi tính

Bảng 3.2.1-1 Hiệu quả sử dụng Internet của GV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực sử dụng máy vi tính

		Năng lực sử dụng máy vi tính			Tổng
		Dưới trung bình	Trung bình	Khá giỏi	
Hiệu quả tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet	Không hiệu quả	40.0%	5.7%	2.4%	4.8%
	Tương đối hiệu quả	30.0%	52.8%	17.4%	26.1%
	Hiệu quả	30.0%	41.5%	80.2%	69.1%
Tổng			100.0%	100.0%	100.0%

Kết quả cho thấy 80,2 % GV khá giỏi trong việc sử dụng máy vi tính đánh giá việc tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet của mình có hiệu quả, so với 41,5 % GV có năng lực sử dụng máy vi tính trung bình và 30 % GV sử dụng máy vi tính còn yếu kém. Ngược lại số GV yếu kém trong việc sử dụng máy vi tính (40 %) nhận thấy việc tìm kiếm thông tin trên

Internet không hiệu quả nhiều hơn so với 2 nhóm GV còn lại (5,7% và 2,4%).

Kết quả kiểm định Chi-bình phương của chúng tôi cho thấy Sig.= 0.000 chứng tỏ có mối liên hệ giữa năng lực sử dụng máy vi tính và hiệu quả sử dụng Internet nhằm tra cứu tìm kiếm thông tin của GV. Như vậy, năng lực sử dụng máy vi tính có tác động đến hiệu quả sử

dụng Internet trong giảng dạy và nghiên cứu của GV.

- Năng lực ngoại ngữ

Bảng 3.2.1-2 Hiệu quả sử dụng Internet của GV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực ngoại ngữ

		Năng lực ngoại ngữ			Tổng
		Dưới trung bình	Trung bình	Khá giỏi	
Hiệu quả tra cứu, tìm kiếm thông tin (ngoại ngữ) trên Internet	Không hiệu quả	23.5%	22.2%	6.3%	11.3%
	Tương đối hiệu quả	64.7%	63.0%	19.5%	33.0%
	Hiệu quả	11.8%	14.8%	74.2%	55.7%
Tổng			100.0%	100.0%	100.0%

Kết quả bảng trên cho thấy 74,2 % GV có năng lực ngoại ngữ khá và giỏi nhận thấy việc tra cứu, tìm kiếm thông tin bằng ngoại ngữ trên Internet của mình có hiệu quả, so với 14,8 % GV trung bình và 11,8% GV còn yếu về ngoại ngữ. Ngược lại, số GV càng yếu về ngoại ngữ càng nhận thấy việc tìm kiếm thông tin trên Internet của họ kém hiệu quả so với GV trung bình và khá giỏi ngoại ngữ.

Kết quả kiểm định Chi-bình phương của chúng tôi cũng cho kết quả Sig.= 0.000 chứng tỏ có mối liên hệ giữa năng lực ngoại ngữ và

hiệu quả tìm kiếm thông tin trên Internet của GV. Như vậy, kết quả này cũng cho thấy năng lực ngoại ngữ có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả sử dụng Internet trong giảng dạy và nghiên cứu của GV trong thời đại toàn cầu hóa với nhiều website bằng nhiều ngôn ngữ. GV giỏi ngoại ngữ thường ở các khoa thuộc khối ngoại ngữ của trường. Mức hiệu quả chung chỉ đạt 55,7%.

- Năng lực tìm kiếm thông tin trên Internet (sử dụng từ khóa, các công cụ tìm kiếm thông tin trên Internet)

Bảng 3.2.1-3 Hiệu quả sử dụng Internet của GV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực tìm kiếm thông tin trên Internet

		Năng lực tìm kiếm thông tin trên Internet			Tổng
		Dưới trung bình	Trung bình	Khá tốt	
Hiệu quả tra cứu, tìm	Không hiệu quả	22.5%	22.6%	7.7%	11.3%
	Tương đối hiệu quả	77.5%	66.0%	20.1%	33.0%

kiểm thông tin trên Internet	Hiệu quả	0%	11.3%	72.2%	55.7%
Tổng		100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

Số liệu bảng trên cho thấy 72,2 % GV thành thạo các công cụ và cách thức tìm kiếm tìm kiếm thông tin trên Internet đánh giá việc tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet của mình có hiệu quả, so với 11,3 % GV có mức độ thành thạo công cụ tìm kiếm thông tin trên Internet trung bình và không có GV nào còn yếu về năng lực này đánh giá việc tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet của mình có hiệu quả. Số GV có năng lực tìm kiếm thông tin trên Internet còn yếu kém và trung bình nhận thấy việc tìm kiếm thông tin trên Internet không

hiệu quả cao hơn đối với nhóm GV giỏi về năng lực này.

Kết quả kiểm định Chi-bình phương của chúng tôi cho thấy Sig.= 0.000 chứng tỏ có mối liên hệ giữa năng lực tìm kiếm thông tin trên Internet và hiệu quả sử dụng Internet nhằm tra cứu tìm kiếm thông tin của GV. Như vậy, năng lực tìm kiếm thông tin trên Internet có tác động đến hiệu quả sử dụng Internet trong giảng dạy và NCKH của GV tại trường.

- Năng lực đánh giá, xử lý thông tin trên Internet

Bảng 3.2.1-4 Hiệu quả sử dụng Internet của GV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực đánh giá, xử lý thông tin trên Internet

		Năng lực đánh giá thông tin trên Internet			Tổng
		Dưới trung bình	Trung bình	Khá tốt	
Hiệu quả tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet	Không hiệu quả	27.3%	26.7%	4.4%	11.3%
	Tương đối hiệu quả	72.7%	60.0%	20.1%	33.0%
	Hiệu quả	0%	13.3%	75.5%	55.7%
Tổng			100.0%	100.0%	100.0%

Nhìn vào bảng trên, ta thấy 75,5% GV có năng lực đánh giá, xử lý thông tin trên Internet khá tốt nhận thấy việc tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet của mình có hiệu quả, so với 2 nhóm trung bình và yếu. 2 nhóm này nhận thấy

việc tìm kiếm thông tin trên Internet chỉ ở mức tương đối hiệu quả và không hiệu quả cao hơn đối với nhóm GV có năng lực đánh giá, xử lý thông tin trên Internet khá tốt.

Kết quả kiểm định Chi-bình phương cũng vẫn cho kết quả Sig.= 0.000 chứng tỏ có mối liên hệ giữa năng lực phân tích, đánh giá, xử lý thông tin trên Internet và hiệu quả sử dụng Internet nhằm tra cứu tìm kiếm thông tin của

GV. Do đó, năng lực phân tích, đánh giá, xử lý thông tin trên Internet cũng có tác động đến hiệu quả sử dụng Internet trong giảng dạy và nghiên cứu chuyên môn của GV.

- Năng lực tự học, tự nghiên cứu

Bảng 3.2.1-5 Hiệu quả sử dụng Internet của SV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực tự học, tự nghiên cứu

		Năng lực tự học, tự nghiên cứu			Tổng
		Dưới trung bình	Trung bình	Khá tốt	
Hiệu quả tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet	Không hiệu quả	33.3%	23.0%	5.1%	11.3%
	Tương đối hiệu quả	66.7%	62.3%	19.1%	33.0%
	Hiệu quả		14.8%	75.8%	55.7%
Tổng			100.0%	100.0%	100.0%

Kết quả cho thấy GV càng có năng lực tự học, tự nghiên cứu khá và tốt sẽ càng nhận thấy việc tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet của mình có hiệu quả hơn và ngược lại GV càng yếu kém về năng lực tự học, tự nghiên cứu nhận thấy việc tìm kiếm thông tin trên Internet không hiệu quả cao. Kết quả kiểm định Chi-bình phương cũng cho biết có mối liên hệ

giữa năng lực tự học, tự nghiên cứu và hiệu quả tìm kiếm thông tin trên Internet của GV. Như vậy, năng lực tự học, tự nghiên cứu cũng có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả sử dụng Internet trong hoạt động chuyên môn của GV.

- Kỹ năng giao tiếp và sử dụng công cụ giao tiếp trên Internet

Bảng 3.2.1-6a Hiệu quả sử dụng Internet trong giao tiếp của GV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực sử dụng công cụ giao tiếp và xuất bản thông tin qua Internet

		Năng lực sử dụng công cụ giao tiếp, xuất bản			Tổng
		Dưới trung bình	Trung bình	Khá giỏi	
Hiệu quả giao tiếp và chia sẻ chuyên môn	Không hiệu quả	40.0%	5.7%	2.4%	4.8%
	Tương đối hiệu quả	30.0%	52.8%	17.4%	26.1%
	Hiệu quả	30.0%	41.5%	80.2%	69.1%

qua Internet				
Tổng		100.0%	100.0%	100.0%

Bảng 3.2.1-6b Hiệu quả sử dụng Internet trong giao tiếp của GV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực giao tiếp

		Năng lực giao tiếp			Tổng
		Dưới trung bình	Trung bình	Khá tốt	
Hiệu quả giao tiếp qua Internet	Không hiệu quả	23.5%	9.3%	1.3%	4.8%
	Tương đối hiệu quả	47.1%	51.9%	15.1%	26.1%
	Hiệu quả	29.4%	38.9%	83.6%	69.1%
Tổng			100.0%	100.0%	100.0%

Kết quả 2 bảng trên cho thấy GV càng có năng lực giao tiếp và sử dụng công cụ giao tiếp, chia sẻ thông tin tốt sẽ càng nhận thấy việc giao tiếp và chia sẻ thông tin chuyên môn qua Internet của mình nhằm phục vụ giảng dạy, NCKH có hiệu quả hơn, và ngược lại GV càng yếu kém về các năng lực này sẽ sử dụng Internet để giao tiếp, xuất bản thông tin khó khăn hơn. Những năng lực này cũng có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả sử dụng Internet trong việc nâng cao hoạt động chuyên môn của GV.

3.2.2. Trong lĩnh vực học tập và NCKH của SV

Chúng tôi cũng phối hợp thông tin SV tự đánh giá về hiệu quả sử dụng Internet của mình với 3 mức độ (1: Không hiệu quả, 2: Tương đối hiệu quả, 3: Hiệu quả) với các thông tin SV tự đánh giá về những năng lực liên quan đến kỹ năng sử dụng Internet ở 3 mức độ thành thạo

hay 3 loại trình độ năng lực như ở GV, bên cạnh việc sử dụng phần mềm SPSS thực hiện kiểm định Chi- bình phương để kiểm định mối liên hệ giữa các kỹ năng và hiệu quả sử dụng Internet của SV.

Đối với SV, công cụ Internet có chức năng lớn nhất là công cụ tra cứu thông tin. Do đó, hiệu quả sử dụng Internet đối với SV chủ yếu cũng nói đến hiệu quả tra cứu tìm kiếm các nguồn thông tin trên Internet nhằm phục vụ học tập và NCKH. Các bảng sau đây thể hiện hiệu quả sử dụng Internet trong hoạt động tra cứu này của SV với các trình độ năng lực khác nhau.

- Năng lực sử dụng máy vi tính

Bảng 3.2.2-1 Hiệu quả sử dụng Internet của SV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực sử dụng máy vi tính

		Năng lực sử dụng máy vi tính			Tổng
		Dưới trung bình	Trung bình	Khá giỏi	
Hiệu quả tra cứu tìm kiếm thông tin trên Internet	Không hiệu quả	24.1%	10.4%	9.3%	14.2%
	Tương đối hiệu quả	55.6%	61.6%	51.2%	57.3%
	Hiệu quả	20.4%	28.0%	39.5%	28.5%
Tổng		100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

Kết quả cho thấy 39,5% SV khá giỏi trong việc sử dụng máy vi tính đánh giá việc tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet của mình có hiệu quả, so với 28% SV có năng lực sử dụng máy vi tính trung bình và 20,4% SV sử dụng máy vi tính còn yếu kém có khả năng sử dụng Internet để tìm kiếm thông tin hiệu quả. Và ngược lại số SV yếu kém trong việc sử dụng máy vi tính (24,1%) nhận thấy việc tìm kiếm thông tin trên Internet không hiệu quả cao hơn đối với 2 nhóm SV còn lại (10,4% và 9,3%).

Kết quả kiểm định Chi-bình phương của chúng tôi cho thấy Sig.= 0.001 chứng tỏ có mối

liên hệ giữa năng lực sử dụng máy vi tính và hiệu quả sử dụng Internet nhằm tra cứu tìm kiếm thông tin của SV. Như vậy, năng lực sử dụng máy vi tính có tác động đến hiệu quả sử dụng Internet trong học tập và nghiên cứu của SV trường. Nhìn chung, hiệu quả sử dụng Internet để tìm kiếm thông tin cũng chưa cao. Đa số SV (57,3%) việc tìm kiếm thông tin trên mạng của họ cũng chỉ ở mức tương đối hiệu quả.

- Năng lực tìm kiếm thông tin trên Internet (sử dụng từ khóa, các công cụ tìm kiếm thông tin trên Internet)

Bảng 3.2.2-2 Hiệu quả sử dụng Internet của SV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực tìm kiếm thông tin trên Internet

		Năng lực tìm kiếm thông tin trên Internet			Tổng
		Dưới trung bình	Trung bình	Khá tốt	
Hiệu quả tra cứu tìm kiếm thông tin trên Internet	Không hiệu quả	27.9%	10.2%	12.4%	14.2%
	Tương đối hiệu quả	60.3%	61.6%	48.7%	57.3%
	Hiệu quả	11.8%	28.2%	38.9%	28.5%
Tổng		100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

Kết quả bảng cho thấy 38,9% SV thành thạo các công cụ và cách thức tìm kiếm thông tin trên Internet cho rằng việc tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet của mình có hiệu quả, so với 28,2 % SV có mức độ thành thạo công cụ tìm kiếm thông tin trên Internet trung bình và 11,8% SV còn yếu về năng lực này. Và ngược lại số SV có năng lực tìm kiếm thông tin trên Internet còn yếu kém (27,9%) thì nhận thấy việc tìm kiếm thông tin trên Internet không hiệu quả cao hơn đối với 2 nhóm SV còn lại.

Kết quả kiểm định Chi-bình phương cho biết Sig.= 0.000 chứng tỏ có mối liên hệ giữa năng lực tìm kiếm thông tin trên Internet và hiệu quả sử dụng Internet nhằm tra cứu tìm kiếm thông tin của SV. Như vậy, năng lực tìm kiếm thông tin trên Internet có tác động đến hiệu quả sử dụng Internet trong học tập và nghiên cứu của SV trường.

- Năng lực đánh giá, xử lý thông tin trên Internet

Bảng 3.2.2-3 Hiệu quả sử dụng Internet của SV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực đánh giá, xử lý thông tin trên Internet

		Năng lực đánh giá thông tin trên Internet			Tổng
		Dưới trung bình	Trung bình	Khá tốt	
Hiệu quả tra cứu tìm kiếm thông tin trên Internet	Không hiệu quả	25.0%	8.7%	7.1%	14.2%
	Tương đối hiệu quả	56.3%	64.5%	54.2%	57.3%
	Hiệu quả	18.8%	26.7%	38.7%	28.5%
Tổng			100.0%	100.0%	100.0%

Kết quả cho thấy 38,7% SV có năng lực đánh giá, xử lý thông tin trên Internet tốt nhận thấy việc tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet của mình có hiệu quả, so với 26,7 % SV trung bình và 18,8% SV còn yếu về năng lực này. Ngược lại số SV còn yếu kém về việc đánh giá xử lý thông tin trên mạng (25 %) nhận thấy việc tìm kiếm thông tin trên Internet không hiệu quả cao hơn đối với 2 nhóm SV còn lại.

Kết quả kiểm định Chi-bình phương của chúng tôi lần này cũng cho thấy Sig.= 0.000 chứng tỏ có mối liên hệ giữa năng lực phân tích, đánh giá, xử lý thông tin trên Internet và hiệu quả sử dụng Internet nhằm tra cứu tìm kiếm thông tin của SV. Như vậy, năng lực phân tích, đánh giá, xử lý thông tin trên Internet cũng có tác động đến hiệu quả sử dụng Internet trong học tập và nghiên cứu của SV trường.

- Năng lực tự học, tự nghiên cứu

Bảng 3.2.2-4 Hiệu quả sử dụng Internet của SV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực tự học, tự nghiên cứu

		Năng lực tự học, tự nghiên cứu			Tổng
		Trung bình	Trung bình	Khá tốt	
Hiệu quả tra cứu tìm kiếm thông tin trên Internet	Không hiệu quả	23.8%	9.3%	9.5%	14.2%
	Tương đối hiệu quả	59.4%	64.6%	45.7%	57.3%
	Hiệu quả	16.8%	26.1%	44.8%	28.5%
Tổng			100.0%	100.0%	100.0%

Kết quả cho thấy 44,8 % SV có năng lực tự học, tự nghiên cứu khá và tốt nhận thấy việc tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet của mình có hiệu quả, so với 26,1 % SV trung bình và 16,8% SV còn yếu về năng lực này. Ngược lại số SV còn yếu kém về năng lực tự học, tự nghiên cứu (23,8 %) cũng tự đánh giá việc tìm kiếm thông tin trên Internet của họ là không hiệu quả nhiều hơn.

Kết quả kiểm định Chi-bình phương Sig.= 0.000 cho thấy mối liên hệ giữa năng lực tự học, đánh giá, tự nghiên cứu và hiệu quả tìm kiếm thông tin trên Internet của SV. Như vậy,

kết quả này cũng xác định năng lực tự học, tự nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả sử dụng Internet trong học tập và nghiên cứu của SV.

- Năng lực ngoại ngữ

Trong khi chúng tôi kiểm tra không có mối liên hệ nào giữa năng lực ngoại ngữ và hiệu quả tìm kiếm thông tin bằng tiếng Việt trên Internet của SV (Sig. > 0.05), thì bảng sau cho thấy năng lực ngoại ngữ của SV có tác động đến hiệu quả tìm kiếm thông tin bằng ngoại ngữ trên Internet của họ.

Bảng 3.2.1-5 Hiệu quả sử dụng Internet của SV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực ngoại ngữ

		Năng lực ngoại ngữ			Tổng
		Dưới TB	trung bình	Khá giỏi	
Hiệu quả tra cứu tìm kiếm thông tin (ngoại ngữ) trên Internet	Không hiệu quả	41.1%	21.5%	18.8%	31.0%
	Tương đối hiệu quả	42.8%	50.0%	41.7%	45.3%
	Hiệu quả	16.1%	28.5%	39.6%	23.7%
Tổng			100.0%	100.0%	100.0%

Bảng trên cho thấy 39,6 % SV có năng lực ngoại ngữ khá và giỏi nhận thấy việc tra cứu, tìm kiếm thông tin trên Internet bằng ngoại ngữ của mình có hiệu quả, so với 28,5 % SV trung bình và 16,1% SV còn yếu về ngoại ngữ. Ngược lại số SV càng yếu về ngoại ngữ càng nhận thấy việc tìm kiếm thông tin trên Internet kém hiệu quả so với SV trung bình và khá giỏi ngoại ngữ. Ngoài ra, kết quả khảo sát còn cho biết 72,3% SV cho biết họ gặp khó khăn trong việc sử dụng Internet do trình độ ngoại ngữ giới hạn.

Kết quả kiểm định Chi-bình phương của chúng tôi cho thấy Sig.= 0.000 chứng tỏ có mối liên hệ giữa năng lực ngoại ngữ và hiệu quả tìm kiếm thông tin trên Internet của SV. Năng lực ngoại ngữ có ảnh hưởng quan trọng đối với hiệu quả sử dụng Internet trong học tập và nghiên cứu của SV.

- Năng lực giao tiếp và năng lực sử dụng công cụ giao tiếp

Bảng 3.2.1-6 Hiệu quả sử dụng Internet trong giao tiếp của SV trường ĐH KHXH&NV Tp.HCM với 3 mức năng lực sử dụng công cụ giao tiếp, chia sẻ/xuất bản thông tin

		Năng lực sử dụng công cụ giao tiếp, chia sẻ			Tổng
		Dưới trung bình	Trung bình	Khá giỏi	
Hiệu quả giao tiếp và chia sẻ chuyên môn qua Internet	Không hiệu quả	23.1%	20.7%	19.8%	21.2%
	Tương đối hiệu quả	50.9%	39.0%	33.7%	41.3%
	Hiệu quả	25.9%	40.2%	46.5%	37.4%
Tổng		100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

Năng lực sử dụng công cụ giao tiếp, chia sẻ thông tin của SV cũng ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp chuyên môn qua Internet của SV. Kết quả kiểm định Chi-bình phương $Sig.=0.038$ chứng tỏ có mối liên hệ giữa năng lực sử dụng công cụ giao tiếp và hiệu quả giao tiếp qua Internet của SV.

3.3. Các yếu tố khác ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng Internet của GV và SV trường ĐHKHXH&NV

Sau cùng, chúng tôi tìm hiểu những yếu tố khác có ảnh hưởng đến mức độ và hiệu quả sử dụng Internet của GV và SV trường ĐHKHXH&NV TP.HCM liên quan đến các điều

kiện hỗ trợ, hỗ trợ trực tiếp bởi con người cũng như các hỗ trợ về cơ sở vật chất.

Sự hỗ trợ của người hướng dẫn trong việc sử dụng Internet: Qua phỏng vấn sâu, bản thân một số GV cũng có nhiều người cho biết phải tự mày mò cách tìm thông tin trên mạng hơn là có sự trợ giúp hướng dẫn các công cụ tìm kiếm. Tuy nhiên, GV thường có kinh nghiệm tra cứu thông tin nhiều hơn SV và sự hỗ trợ SV trong việc sử dụng Internet là rất cần thiết. Chúng tôi tìm hiểu xem SV đánh giá sự hỗ trợ của GV trong việc sử dụng Internet của mình như thế nào qua câu hỏi với 5 mức độ, kết quả thu được như sau:

Bảng 3.3-1 Mức độ thường xuyên hỗ trợ hướng dẫn sử dụng Internet của GV đối với SV trường ĐHKHXH&NV do SV trường đánh giá

Mức độ hỗ trợ hướng dẫn SV sử dụng Internet của GV	Trung bình	Độ lệch chuẩn
GV giới thiệu website, tài nguyên điện tử cho SV	2.78	0.926
GV hướng dẫn SV sử dụng công cụ tìm kiếm internet	2.77	0.957
GV trao đổi, chia sẻ thông tin với SV bằng Internet	2.59	0.939
GV hướng dẫn SV đánh giá, phân tích, sử dụng thông tin Internet	2.47	0.954
Trích dẫn thông tin Internet trong bài viết cá nhân	3.76	0.873

SV nhận xét chung về mức độ hỗ trợ của GV còn thấp, ở dưới mức 3 là tức là chỉ trên hiếm khi một chút trong khi đây là một nhu cầu lớn của SV. Ngoài ra tỉ lệ phần trăm cho thấy 80.4% SV cho rằng GV hiếm khi hỗ trợ SV trong việc sử dụng Internet và 18.4% cho rằng GV hoàn toàn không hỗ trợ họ trong việc sử dụng Internet. Nhiều SV qua phỏng vấn sâu

cho rằng họ cứ vào *google.com.vn* và *search* hơn là trông đợi sự trợ giúp của GV.

Sự hỗ trợ bằng các phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất: Yếu tố ảnh hưởng lớn gây ra khó khăn phổ biến trong việc sử dụng Internet của GV là chất lượng mạng của trường không ổn định, thể hiện ở bảng 3.3-2 dưới đây. Mức độ thường xuyên sử dụng Internet tại VP khoa/bộ môn của GV là 3.04, ở mức thỉnh thoảng.

Qua phỏng vấn sâu, các GV thường cho biết, do ở văn phòng khoa có ít máy lại đông GV, mạng của máy tính cố định thường chậm và hay trục trặc, GV tự đem Laptop đến khoa sử

dụng thì wifi chậm chạp, không ổn định. Ngoài ra, nhiều văn phòng khoa/bộ môn có diện tích nhỏ, chật hẹp không có đủ chỗ, bàn ghế để làm việc.

Bảng 3.3-2 Khó khăn của GV trong việc sử dụng Internet

Khó khăn của GV trong việc sử dụng Internet	Tốc độ download chậm, mạng không ổn định	
	Tần số	Phần trăm
Có	96	78.0%
Không	27	22.0%
Tổng cộng	123	100.0%

GV ít gặp khó khăn hơn SV, theo ý kiến của các GV có sử dụng Internet, một số khó khăn gặp phải chủ yếu là do tốc độ đường truyền chậm, thiếu trang thiết bị, chất lượng mạng Internet của trường chưa tốt, tốn thời gian biên soạn, một số GV dạy thêm, làm thêm nên không có nhiều thời gian sử dụng Internet và do SV quen kiểu học truyền thống hoặc kém ngoại ngữ. Ngoài việc nhiều GV không rành vấn đề kỹ thuật, không thể tự tạo Website cá nhân hay biên soạn giáo trình điện tử, còn có một khó khăn là trang web của trường không mục để GV upload bài giảng, tài liệu điện tử phong phú cho SV.

Một số yếu tố khó khăn được SV khẳng định là có gặp phải trong việc sử dụng Internet là số lượng và chất lượng tài liệu điện tử, đường truyền, cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường chưa tốt. SV còn gặp khó khăn là phải tốn tiền sử dụng Internet tại các dịch vụ ngoài trường, trong khi phòng máy của trường chưa mở rộng dịch vụ này cho SV, khu vực wireless chưa mở rộng và ổn định. Có 76% SV còn phải

sử dụng Internet ở các dịch vụ bên ngoài, trong khi đó 95% không có điều kiện sử dụng Internet tại phòng máy của trường.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Nhìn chung SV và GV trường ĐH KHXH & NV TP. HCM hiện nay đã có ý thức rất cao về tầm quan trọng của Internet trong cuộc sống nói chung và trong giảng dạy, học tập và NCKH nói riêng. Nhưng trong thực tế, mức độ sử dụng Internet cho hoạt động chuyên môn của GV và SV có khác nhau, và mức độ sử dụng có khác nhau giữa GV và SV các khoa thuộc khối ngoại ngữ và khối khác. Cả GV và SV chưa sử dụng Internet thường xuyên trong việc giao tiếp, trao đổi chuyên môn.

Các hình thức sử dụng Internet trong học tập, giảng dạy và NCKH hiện nay của SV và GV chỉ mới giới hạn tại các công cụ tìm kiếm có sẵn, và một vài trang web chính không quen thuộc, chưa mở rộng khai thác ở các nguồn khác, nhất là các nguồn học liệu mở trên các

thư viện điện tử, tạp chí chuyên ngành. Hiệu quả khai thác thông tin cũng chưa được cao lắm, đa số GV và SV chỉ tạm hài lòng với số lượng và chất lượng các thông tin tìm được.

Có nhiều kỹ năng liên quan đến hiệu quả sử dụng Internet trong hoạt động chuyên môn của GV và SV, đặc biệt là trình độ ngoại ngữ để tra cứu tài liệu bằng tiếng nước ngoài và kỹ năng tìm kiếm thông tin là điều rất quan trọng nhưng còn hạn chế ở SV và GV của trường. Do đó việc sử dụng Internet phục vụ học tập, giảng dạy, NCKH tại trường hiện nay chưa thực sự hiệu quả lắm, nhất là đối với SV.

Bên cạnh những khó khăn do hạn chế về kỹ năng sử dụng, SV và GV còn gặp nhiều khó khăn khác như cơ sở vật chất phục vụ việc truy cập Internet còn thiếu thốn, hệ thống mạng chưa tốt, nguồn wifi không ổn định, thiếu sự hướng dẫn khai thác công cụ Internet. Ngoài ra, GV chưa giới thiệu nhiều websites tham khảo cho SV hoặc nhiều SV còn thụ động chưa đọc những websites GV giới thiệu và tự tìm đọc thêm.

4.2 Kiến nghị

Về phía nhà trường

Trường ĐH KHXH & NV cần có sự đầu tư, hỗ trợ hơn nữa để tăng cường khả năng và cơ hội sử dụng Internet cho GV và SV của trường trong khuôn viên nhà trường, kể cả trong lớp học: tăng cường trang bị cơ sở vật chất tại các phòng máy phục vụ sử dụng Internet cho GV và SV, cải tiến hệ thống mạng, nâng cấp mở rộng các phòng Tra cứu dữ liệu có Internet, mở rộng dịch vụ Internet, nâng cao

hơn nữa chất lượng thư viện trường và nguồn học liệu điện tử, tài nguyên điện tử, website của nhà trường.

Nhà trường cần có chương trình *hướng dẫn* GV và SV sử dụng Internet, tổ chức tập huấn sử dụng Internet cho GV và SV qua các buổi hội thảo, tập huấn, hướng dẫn, khóa học ngắn hạn....

Nhà trường cũng nên có chế độ *khen thưởng hoặc khuyến khích* các cá nhân hay đơn vị đi đầu tích cực trong việc sử dụng diễn đàn trao đổi chuyên môn, biên soạn, cập nhật các tài liệu điện tử và giới thiệu nhiều website chuyên ngành trong và ngoài nước phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH, có chính sách hỗ trợ GV khi phải mua các học liệu điện tử phục vụ giảng dạy và NCKH từ Internet.

Về phía giảng viên

GV cần thể hiện rõ hơn vai trò và trách nhiệm của người GV đại học trong thời đại CNTT bằng việc rèn luyện và phát triển khả năng sử dụng Internet, *dành thời gian đầu tư* nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, sưu tầm, tìm kiếm các websites chuyên ngành, và cập nhật cho các bài giảng thường xuyên với nguồn tài nguyên ngày một phong phú trên Internet, *trao đổi nhiều hơn với đồng nghiệp*, hợp tác trong tổ chuyên môn sưu tầm những websites, nguồn học liệu mở, thư viện điện tử, tạp chí chuyên ngành, xây dựng giáo trình điện tử, chia sẻ thông tin qua mạng.

Trong giảng dạy, GV cần phát huy tính chủ động tích cực của người học, tạo điều kiện để sinh viên biết tìm tòi, học hỏi và nâng cao

kiến thức thông qua Internet. Cụ thể, GV có thể hỗ trợ sinh viên trong quá trình sử dụng Internet như giới thiệu các website, hướng dẫn sinh viên sử dụng các công cụ tìm kiếm trên Internet, đặt ra các bài tập, câu hỏi yêu cầu SV tìm thông tin cụ thể trên Internet, khuyến khích thảo luận qua diễn đàn. Định hướng cho sinh viên biết đánh giá, phân biệt và lựa chọn những nguồn thông tin phù hợp, sử dụng thông tin một cách hợp lý, biết cách trích dẫn, tránh đạo văn từ Internet.

Ngoài ra, GV cũng cần tăng cường tương tác với sinh viên thông qua Internet như thông qua các hoạt động giao tiếp, trao đổi bằng e-mail, chat, blog, facebook, forum, website cá nhân hoặc website của trường, khoa, ... hướng dẫn SV tự nghiên cứu, học hỏi, khuyến khích SV đọc tìm tài liệu bằng ngoại ngữ trên Internet.

Không phải chỉ có GV cần hỗ trợ SV sử dụng Internet mà cả GV cũng nên tận dụng sự hỗ trợ của những SV giỏi, thành thạo và có kinh nghiệm về sử dụng máy tính và Internet có thể giúp mình trong việc sử dụng Internet. Trên thực tế, có những SV giỏi về lĩnh vực này hơn GV, việc khiêm tốn học hỏi, trao đổi với SV sẽ phần nào giúp GV nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng Internet.

Về phía sinh viên

Trong học chế tín chỉ, SV cần phải tích cực, chủ động trong quá trình học tập và đặc biệt tự học với công cụ Internet, khai thác các websites được GV hướng dẫn. Một mặt, SV phải chú trọng tăng cường việc bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học, các kỹ năng tra cứu Internet, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tăng cường hoạt động tự học, một mặt càng sử dụng Internet, SV càng có cơ hội phát triển các kỹ năng này.

Ngoài ra, SV còn phải biết tăng cường sử dụng các hình thức trao đổi, giao tiếp chuyên môn với GV và với bạn bè để mở rộng kiến thức và phát triển kỹ năng giao tiếp. SV cần tự chủ, có kế hoạch học tập rõ ràng, dành thời gian đầu tư nhiều hơn cho hoạt động học tập với Internet hơn, khai thác và tham khảo, nghiên cứu các nguồn tài nguyên phong phú trên Internet, tiến tới hình thành kỹ năng tự học suốt đời với ý thức kỷ luật, tự giác cao, tránh bị cám dỗ và chia trí với các công cụ giải trí trên Internet.

Với những đề xuất trên của đề tài cho các đối tượng khác nhau, chúng tôi hy vọng sẽ thực hiện nhằm từng bước nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và NCKH một cách đồng bộ trong nhà trường.

SOME FACTORS INFLUENCING THE USE OF INTERNET IN STUDYING,
TEACHING AND DOING RESEARCH AT THE UNIVERSITY OF SOCIAL
SCIENCES AND HUMANITIES, VNU-HCMC

Nguyen Duy Mong Ha

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: We are now entering the era of globalization, knowledge economy and learning society with the explosion of information through many channels, in which Internet is the most outstanding. Internet is the global network system with diversified and updated information in various fields as well as the tool for communication and the exchange of information for everyone without limits on time and space. In Higher Education, the exploitation and the use of Internet effectively serving the teaching, studying and doing scientific research is an urgent need in order to modernize and improve the quality of education nowadays, training the self-study skill, critical thinking and creativity of teaching staff and students. It is necessary to find out the main factors, especially those related to skills and competence, which can influence the efficiency of using Internet of để từ đó đưa ra được các kế hoạch, biện pháp cải tiến phù hợp.

The paper covers three main areas of content: Section 1, short history of the research matter and review of the related literature on the research topic. Section 2 presents some research results on the factors influencing the frequency/extent and efficiency of using Internet in teaching, studying and doing scientific research of teaching staff and students at USSH-VNU-HCMC. The last sections proposes some basic solutions for the improvement of using Internet in teaching, studying and doing scientific research of teaching staff and students at USSH-VNU-HCMC.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phạm Ngọc Châu, *Sử dụng Internet nhanh chóng và hiệu quả*, NXB Giao thông vận tải, 2007.
- [2]. Đỗ Mạnh Cường, *Giáo trình ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2008.
- [3]. Đỗ Mạnh Cường, *Một số vấn đề phát triển công nghệ Multimedia trong dạy học*, Tạp chí Phát triển giáo dục, số 7 – tháng 7/2004.
- [4]. Nguyễn Mạnh Cường, “*Xây dựng giáo trình điện tử, hướng dẫn sử dụng các phần mềm đơn giản và thiết bị tin học để thiết kế và thực hiện bài giảng trên máy tính*”, đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp trường, trường Đại học sư phạm Tp.HCM, 2005

- [5]. Nguyễn Duy Mộng Hà, *Thực trạng xây dựng và sử dụng giáo trình điện tử trong Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh*, Báo cáo đề tài NCKH cấp trường, ĐHKHXH&NV TP.HCM, 2007
- [6]. Nguyễn Duy Mộng Hà, *Thực trạng sử dụng Internet trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu tại trường ĐHKHXH&NV TP. HCM*, Báo cáo đề tài NCKH cấp trường, ĐHKHXH&NV TP.HCM, 2010
- [7]. Hoàng Hồng, *Sử dụng Internet an toàn và hiệu quả*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội, 2007.
- [8]. Nguyễn Thị Thanh Hồng, *Hình thành kỹ năng khai thác thông tin trên mạng Internet trong dạy học môn Giáo Dục Học ở trường ĐHSP Hà Nội*, Tạp chí Giáo dục số 228 (kỳ 2-12, 2009)
- [9]. Đoàn Thị Minh Thoa, “*Thực trạng sử dụng Internet nhằm mục đích hỗ trợ học tập của sinh viên trường ĐHKHXH&NV TP.HCM hiện nay*” Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý Giáo dục, khoa Giáo dục, trường ĐHKHXH&NV TP.HCM, năm 2008
- [10]. Đặng Thị Thu Thủy, *Khai thác sử dụng Internet góp phần tích cực hóa hoạt động học tập môn Toán của học sinh ở trường trung học cơ sở*, Tạp chí Giáo dục số 171 ki 1 – 9/2007.
- [11]. Lê Hải Yến, *Nghe nhìn & công nghệ thông tin với Dạy và học ngày nay*, Tạp chí Dạy và học ngày nay, số 2.2006.
- [12]. Đặng Thị Thu Vân, *Tìm hiểu nhu cầu sử dụng Internet của sinh viên trường ĐHCông Nghiệp TP.HCM*, khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Thư Viện Thông Tin, năm 2007.
- [13]. Adams, Sharon & Burns, Mary. *Connecting student learning and technology*, Educational resources information Centre (Eric), Southwest Educational Development Laboratory, 1999.
- [14]. Gail E.Pritchard, *Improving Learning with IT*, National Research Council, Academy Press, Washington D.C., 2006)
- [15]. Grabe, Mark and Grabe, Cindy, *Integrating technology for meaningful learning*, Houghton Mifflin Co., 2001.
- [16]. M.D. Roblyer, Jack Edward, *Integrating Educational Technology into teaching*, Second Edition, Prentice-Hall, 2000.
- [17]. Newby Timothy .J, Stepich Donald A., Lehmen James D., Russell James D. *Instructional technology for teaching and learning*, Prentice- Hall, Inc., 2000
- [18]. Norton, Priscilla & Sprague, Debra. *Technology for teaching*. Allyn & Bacon 2001.
- [19]. Norton, Priscilla and Karin M.Wiburg, *Teaching with Technology*, Wadsworth, 2003
- [20]. Paul C.Gorski, *Multicultural Education and the Internet: Intersections and Integrations*, Mc Graw-Hill, 2001.

- [21]. Roblyer, M.D. – Edwards, Jack, *Integrating Educational Technology into teaching*, Second Edition, Prentice-Hall, 2000.
- [22]. Steven Marcus, Rapporteur, *ITC fluency and High School in the 21st century*, National Research Council, Academy Press, Washington D.C., 2006
- [23]. Thomas L. Friedman, *The World is Flat – a brief history of the twenty-first century*, NXB Trê, 2007
- [24]. Vicki Sharp, *Computers Education for Teachers – Integrating Technology into Classroom Teaching*, Mc Gaw-Hill, 2005
- [25]. Australian Journal of Educational Technology, www.ascilite.org.au/ajet, <http://www.tcrecord.org/Journal.asp?JournalId=323>
- [26]. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia: <http://vi.wikipedia.org/wiki/Internet>
- [27]. British Journal of Educational Technology, <http://www.blackwellpublishing.com/journal.asp?ref=0007-1013>
- [28]. Diễn đàn trường THPT Tân Hiệp: Giảng viên đại học trong thời đại CNTT: http://www.thpttanhiiep.net/forum/forum_posts.asp?TID=4258
- [29]. Diễn đàn f-network: *Sinh viên Việt đang đứng ngoài cuộc với Internet?* <http://f-network.net/Forum/lofiversion/index.php?t4698.html>
- [30]. E-Learning surveys, / http://www.hrnguide.net/usa/hrd/e-learning_survey.htm
- [31]. Journal of Educational Technology and Society, <http://www.ifets.info/>, http://www.ifets.info/journals/10_2/11.pdf
- [32]. Mạng Giáo viên sáng tạo, *Học tập thời đại Internet*, <http://mspil.net.vn/gvst/forums/t/1908.aspx>
- [33]. DTI Global Watch Mission, *Beyond E-Learning: practical insight from the USA* - www.stonybrook.edu/spd/dean_papers/newdelhi.pdf
- [34]. Rebecca Eynon, “*Sử dụng Internet trong Giáo dục ĐH*”
- [35]. <http://www.emeraldinsight.com/Insight/viewContentItem.do?contentType=Article&contentId=1465002>